

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST.

Ngày: 25/07/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY - TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thiều Thị Dũng.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông, Phan Minh Ca.

2. Ông, Trần Đình Xứng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà, Trần Thị Phụng- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện SaThầy, tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông, Nguyễn Anh Nghĩa- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/HSST ngày 08/6/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS, ngày 12/7/2018 đối với các bị cáo :

1. Họ và tên: Trần Văn Tr, sinh năm 1984, nơi sinh tại tỉnh Kon Tum. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Văn V, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm: 1964. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị Ph, sinh năm 1987 và hai con là Trần Gia H, sinh năm 2009, Trần Gia H, sinh năm 2016. Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 21/11/2017 cho đến ngày 15/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Văn M, sinh năm 1986, nơi sinh tại tỉnh Kon Tum. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phạm Văn N, sinh năm 1949 và bà Đặng Thị C, sinh năm: 1952. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 22/11/2017 cho đến ngày 15/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Ngô Văn Th, sinh năm 1987, nơi sinh tại tỉnh Kon Tum. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ngh, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Thợ điện cơ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Ngô Đ, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1963. Bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Hồng Th, sinh năm 1987 và con là Ngô Huỳnh Thủy T, sinh năm 2012. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Ngô B, sinh năm 1976, nơi sinh tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ngh, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Ngô Tr và bà Nguyễn Thị Th. Bị cáo có vợ là Ngô Thị Trung H, sinh năm 1981 và hai con là Ngô Gia Th, sinh năm 2002 và Ngô Gia Ph, sinh năm 2009. Gia đình bị cáo có một người con, bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lê Thanh Tr, sinh năm 1985, nơi sinh tại tỉnh Kon Tum. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ngh, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Văn X, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1954. Bị cáo có vợ là Phạm Thị Huyền Tr, sinh năm 1987 và hai con là Lê Quốc Ng, sinh năm 2008 và Lê Quốc T, sinh năm 2010. Gia đình bị cáo có một người con, bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 21/11/2017 đến ngày 24/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Phạm Hồ Kh, sinh năm 1992, nơi sinh tại tỉnh Kon Tum. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 1 thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con bà Hồ Thị N, sinh năm: 1967. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 21/11/2017 cho đến ngày 15/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985, nơi sinh tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn O, sinh năm 1966 và bà Trần Thị K, sinh năm: 1965. Bị cáo có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1992 và con là Nguyễn Hải Y, sinh năm 2011. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Lê Thị Bích H, sinh năm 1985, nơi sinh tại tỉnh Kon Tum.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ngh, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Hữu Ph, sinh năm 1957 và bà Võ Thị Kiều Tr, sinh năm: 1958. Bị cáo có chồng là Ngô Trung Kh, sinh năm 1977 và bốn con là Ngô Thị Hùng V, sinh năm 2001, Ngô Vĩ C, sinh năm 2005; Ngô Thị Thanh H, sinh năm 2008; Ngô Bảo H, sinh năm 2012. Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Huỳnh T, sinh năm 1973, nơi sinh tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Huỳnh E, sinh năm 1945 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1947. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1992, nơi sinh tại tỉnh Kon Tum.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn O, sinh năm 1966 và bà Trần Thị K, sinh năm: 1965. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 21/11/2017 cho đến ngày 11/12/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

11. Họ và tên: Phan M, sinh năm 1951, nơi sinh tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phan L, sinh năm 1912(Đã chết) và bà Lương Thị M, sinh năm: 1923(Đã chết). Bị cáo có vợ là Lê Thị S, sinh năm

1955 và 5 con là Phan Thị O, sinh năm 1978, Phan Thị L, sinh năm 1983, Phan Thị H, sinh năm 1987, Phan Văn S, sinh năm 1989 và Phan Văn Nh, sinh năm 1993. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

12. Họ và tên: Phạm Minh T, sinh năm 1990, nơi sinh tại tỉnh Kon Tum.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ngh, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phạm Văn N, sinh năm 1949 và bà Đặng Thị C, sinh năm: 1952. Bị cáo có vợ là Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1998 và con là Phạm Quốc Tr, sinh năm 2016. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là út trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

13. Họ và tên: Phạm H, sinh năm 1977, nơi sinh tại tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Ngh, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phạm S và bà Nguyễn Thị V. Bị cáo có vợ là Trương Thị Kim B, sinh năm 1983 và hai con là Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 2004 và Phạm Xuân Q, sinh năm 2008. Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Xuân H.

Trú tại: Thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Lê Văn V.

Trú tại: Thôn Ngh, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn C.

Trú tại: Thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa).

4. Võ Phi H.

Trú tại: Làng Ch, thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11h00 ngày 21/11/2017 ông Trần Văn V tổ chức 49 ngày cho con trai tại nhà của mình ở thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum và có mời bạn bè,

hàng xóm sang uống rượu. Đến khoảng 13h00 cùng ngày thì Trần Văn Tr nghe tại bàn nhậu bên cạnh có một số người nói xin qua nhà Tr để chơi đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa, Trọng đồng ý và dẫn Phan M, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn C, Phạm Hồ Kh, Phạm H vào khu vực bếp của nhà mình (*nhà Trần Văn Tr ở sát nhà ông Trần Văn V*) để tổ chức đánh bạc. Tr lấy từ nhà mình 01 cái chiếu, 01 chén sứ, 01 đĩa sứ và cắt từ lá bài tây ra 04 quân vị hình tròn để các đối tượng tổ chức chơi đánh sóc đĩa được ăn thua với nhau bằng tiền Việt Nam Đồng. Sau đó Tr quay lại nhà ông V để tiếp tục uống rượu, các đối tượng còn lại ngồi chơi đánh bạc ở nhà Tr và C là người sóc cái cho các đối tượng đặt tiền. Đánh bạc được khoảng 45 phút thì H nghe điện thoại rồi đi về, Lê Văn V, Võ Phi H cùng đến và tham gia chơi đánh bạc. Đến khoảng 15h30 cùng ngày thì Tr quay về nhà và cùng tham gia chơi đánh bạc, V, H do thua hết tiền nên đi về. Khoảng 30 phút sau, Phạm Văn M, Nguyễn Trung Đ, Lê Thanh Tr cùng đến tham gia chơi đánh bạc, lúc này một số đối tượng đưa cho Trọng tổng cộng 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng để sau khi đánh xong Trọng dọn dẹp nhà. Đến khoảng 19h00 cùng ngày Phạm H quay lại tiếp tục đánh bạc, Phạm Minh T, Huỳnh T, Lê Thị Bích H, Ngô B, Ngô Văn Th cùng đến tham gia chơi đánh bạc, lúc này mỗi người tham gia đánh bạc đặt cược số tiền thấp nhất là 50.000 (năm mươi nghìn) đồng và số tiền cao nhất không giới hạn tùy người đặt cược tiền. Khoảng 20 phút sau C hết tiền nên đi về và M thay C sóc cái cho những người tham gia chơi tiếp tục đặt tiền.

Khi tham gia đánh bạc Trần Văn Tr mang theo số tiền 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, Phạm Văn M mang theo số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, Ngô Văn Th không nhớ mang theo bao nhiêu tiền. Nguyễn Trung Đ mang theo số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, Huỳnh T mang theo số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, Lê Thị Bích H mang theo số tiền 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng, Phạm H mang theo số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng, Phạm Hồ Kh mang theo số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, Nguyễn Ngọc H mang theo số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, Phạm Minh T trong quá trình đánh bạc được Phạm Văn M cho 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Tất cả số tiền các đối tượng mang theo khi tham gia đánh bạc đều được sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Cách thức sóc đĩa (hay còn gọi là đánh chắn lẻ) được các đối tượng đánh như sau: Nhà cái lấy bốn con vị hình tròn đường kính khoảng 02cm được cắt từ lá bài tây có hai mặt úp và ngửa lên một đĩa sứ rồi lấy một chén sứ úp lại và sóc lên để cho những người tham gia chơi đặt cược tiền vào một trong hai cửa chắn hoặc lẻ. Cửa chắn thắng khi mở chén ra có bốn con vị ngửa hoặc bốn con vị úp hoặc hai con vị ngửa và hai con vị úp, cửa lẻ thắng khi có ba con vị úp và một con vị ngửa hoặc ba con vị ngửa và một con vị úp. Tỷ lệ ăn thua khi đánh bạc là một ăn một.

Đến khoảng 20h30 khi Nguyễn Xuân H vừa đến xem đánh bạc sóc đĩa, Phan M, Trần Văn Tr, Nguyễn Ngọc H, Lê Thanh Tr, Phạm Hồ Kh, Phạm Minh T, Nguyễn Trung Đ, Lê Thị Bích H, Ngô Văn Th, Ngô B, Huỳnh T, Phạm H đang đặt

tiền và chờ kết quả từ nhà cái (Phạm Văn M) thì bị công an huyện S bắt quả tang, Phạm Văn M và Phạm H chạy thoát cửa sau.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang lúc 20h30 ngày 21/11/2017 Cơ quan Công an huyện S đã thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng và 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếu nhựa màu vàng đỏ, 04 con vị hình tròn có đường kính khoảng 02cm.

Kiểm tra và thu giữ trên người các đối tượng:

- Trần Văn Tr có 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ Viettel màu đen.

- Phạm Hồ Kh có 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ Nokia màn hình trắng đen.

- Lê Thanh Tr có 100.000 (một trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ Nokia màn hình trắng đen.

- Lê Thị Bích H có 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Coolpad màu trắng.

- Ngô Văn Th có 01 (một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo màu hồng.

- Nguyễn Ngọc H có 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu nhãn hiệu Oppo màu hồng.

- Ngô B có 01 (một) ĐTDĐ hiệu Gionee màu đen.

- Phan M có 01 (một) ĐTDĐ màu đen, cam nhãn hiệu Zip.

Tổng số tiền thu giữ trên người các đối tượng là 4.300.000 (bốn triệu ba trăm nghìn) đồng.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT- VKSST, ngày 07/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Trần Văn Tr về tội “*Đánh bạc*” Theo khoản 1 Điều 248 và tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Các bị cáo Phạm Văn M, Nguyễn Trung Đ, Phạm Hồ Kh, Huỳnh T, Ngô B, Nguyễn Ngọc H, Ngô Văn Th, Lê Thanh Tr, Phạm H, Lê Thị Bích H, Phạm Minh T, Phan M truy tố về tội “*Đánh bạc*” Theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên cáo trạng số 09/CT- VKSST, ngày 07/6/2018 và đề nghị áp dụng:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trần Văn Tr, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 05 đến 08 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trần Văn Tr, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 13 đến 16 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội . Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó là 24 ngày(từ ngày 21/11/2017 đến ngày 15/12/2017).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Văn M.

Đề nghị xử phạt Phạm Văn M mức án tù 07 đến 10 tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó là 23 ngày(từ ngày 22/11/2017 đến ngày 15/12/2017).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Trung Đ.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ mức án tù 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H mức án tù 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Huỳnh T.

Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh T mức án tù 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Ngô B.

Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô B mức án tù 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Ngô Văn Th

Đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Văn Th mức án tù 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Thanh Tr.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh Tr mức án tù 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phạm H.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm H mức án tù 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phạm Hồ Kh.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hồ Kh mức án từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn S giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

11. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Thị Bích H.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Bích H mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

12. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phan M.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phan M mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

12. Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo và Phạm Minh T.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Minh T mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Trung Đ, Huỳnh T, Ngô B, Nguyễn Ngọc H, Ngô Văn Th, Lê Thanh Tr, Phạm H, Lê Thị Bích H, Phạm Minh T, Phan M cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S giám sát giáo dục.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 12.800.000(Mười hai triệu tám trăm ngàn) đồng, tại tài khoản 3949.0.1047676.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, theo giấy Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa đơn vị trả tiền là Công an huyện S và đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếu nhựa, 04 con vịt(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện Sa Thầy với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy ngày 13/6/2018)

- Trả lại cho Trần Văn Tr 01(một) ĐTDĐ Viettel màu đen; Phạm Hồ Kh 01(một) ĐTDĐ Nokia màn hình trắng đen; Lê Thanh Tr 01 (một) ĐTDĐ Nokia màn hình trắng đen; Lê Thị Bích H 01(một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Coolpad màu trắng; Ngô Văn Th 01(Một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo màu hồng; Nguyễn Ngọc H 01(một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo màu hồng; Ngô B có 01(một) ĐTDĐ hiệu Gionee màu đen; Phan M có 01(một) ĐTDĐ màu đen, cam nhãn hiệu Zip(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện S với Chi cục Thi hành án dân sự huyện S ngày 13/6/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 20 giờ 30 phút ngày 21/11/2017, tại nhà Trần Văn Tr ở Thôn A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum, Trọng cùng Nguyễn Trung Đ, Phạm Văn M, Phan M, Phạm Minh T, Nguyễn Ngọc H, Huỳnh T, Lê Thị Bích H, Ngô B, Ngô Văn Th, Lê Thanh Tr, Phạm H, Phạm Hồ Kh đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức súc đĩa ăn thua với nhau bằng tiền Việt Nam Đồng, bị công an huyện S bắt quả tang. Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Số tiền thu được trên chiếu bạc là 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền thu giữ trên người các con bạc được sử dụng vào mục đích đánh bạc là 4.300.000 (bốn triệu ba trăm nghìn) đồng.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Riêng bị cáo Trần Văn Tr là người có hành vi chuẩn bị chén, đĩa, chiếu, quân vị và sử dụng nhà ở của mình để tổ chức cho trên 10 người tham gia đánh bạc, trái phép với tổng số tiền thu trên chiếu bạc và tiền được dùng vào mục đích đánh bạc là 12.800.000 (Mười hai triệu tám trăm ngàn) đồng. Mặt khác trong quá trình đánh bạc, Tr có nhận của các con bạc số tiền 400.000 đồng để dọn dẹp nhà. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 BLHS năm 1999 như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với bị cáo.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương, là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của các nhóm tội phạm khác. Tuy nhiên đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, không có sự bàn bạc từ trước. Các bị cáo chỉ vì một chút ham vui mà nhất thời phạm tội. Do vậy khi lượng hình cũng cần xem xét hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để răn đe, giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không ai bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Trần Văn Tr thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo Phạm Văn M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi chạy trốn khỏi chiếu bạc, ngày 22/11/2017, bị cáo đã đến Công an đầu thú. Bên cạnh đó, bố bị cáo là người có công với cách mạng, hiện là bệnh binh nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với các bị cáo Nguyễn Trung Đ, Phan M, Phạm Minh T, Nguyễn Ngọc H, Huỳnh T, Lê Thị Bích H, Ngô B, Ngô Văn Th, Lê Thanh Tr, Phạm H, Phạm Hồ Kh đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm p, h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Riêng các bị cáo Phạm Minh T có bố đẻ là Phạm Văn N là người có công với cách mạng, hiện là bệnh binh, bị cáo Phan M là người có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Khi tham gia đánh bạc bị cáo Tr mang theo số tiền 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng và là người chuẩn bị công cụ đánh bạc, dùng nhà của mình để các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc trái phép. Bị cáo cũng là người tham gia đánh bạc. Bị cáo bị xét xử hai tội cùng một lần. Hành vi phạm tội của bị cáo được xem là nghiêm trọng. Đối với M có nhân thân không tốt, năm 2012 đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy kết án về tội “ Cố ý gây thương tích”, bị cáo không phấn đấu trở thành công dân tốt, biết ý thức chấp hành pháp luật mà lại thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy cần phải cách ly các bị cáo Tr và M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo Kh, H, B, Th, Tr, H, Đ, T, phạm tội lần đầu, các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là lao động chính trong gia đình. Bị cáo Đ bị bệnh nặng ở phần chân dẫn đến lão hóa xương, khó khăn trong việc đi lại, hiện đang điều trị bằng việc uống thuốc nam thường xuyên. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.

Đối với bị cáo là Phan M tuổi đã cao, bị cáo Lê Thị Thanh H là phụ nữ, hiện có 4 con nhỏ; bị cáo T là lao động chính trong gia đình và hiện con còn quá nhỏ, mới sinh năm 2016. Do vậy, không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp. Các bị cáo đều có hoàn

cảnh kinh tế khó khăn, nghề nghiệp chủ yếu làm nông, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[4] Đối với hành vi của Võ Phi H, Lê Văn V, Nguyễn Văn C có tham gia đánh bạc nhưng bỏ về trước khi Công an bắt quả tang một thời gian dài. Trong quá trình điều tra không xác định được số tiền dùng đánh bạc tại thời điểm H, V, C tham gia là bao nhiêu. Công an huyện S ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Võ Phi H, Lê Văn V, Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở nên không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Xuân H, khi Công an huyện S bắt quả tang các đối tượng đang tham gia đánh bạc, lúc này có mặt ông H. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định, ông H chỉ đến xem các đối tượng đánh bạc chứ không tham gia nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy có cơ sở, đúng quy định.

[5] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an huyện S, tỉnh Kon Tum đã thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng và 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếu nhựa, 04 con vị hình tròn đường kính khoảng 02cm.

Thu giữ trên người các đối tượng:

- Trần Văn Tr có 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ Viettel màu đen.

- Phạm Hồ Kh có 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ Nokia màn hình trắng đen.

- Lê Thanh Tr có 100.000 (một trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ Nokia màn hình trắng đen.

- Lê Thị Bích H có 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Coolpad màu trắng.

- Ngô Văn Th có 01 (một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo màu hồng.

- Nguyễn Ngọc H có 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, 01 (một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu nhãn hiệu Oppo màu hồng.

- Ngô B có 01 (một) ĐTDĐ hiệu Gionee màu đen.

- Phan M có 01 (một) ĐTDĐ màu đen, cam nhãn hiệu Zip.

Tổng số tiền thu giữ trên người các đối tượng là 4.300.000 (bốn triệu ba trăm nghìn) đồng.

Đối với số tiền 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng và 4.300.000 (bốn triệu ba trăm nghìn) đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 04 con vị, 01 chiếu nhựa đã qua sử dụng là vật dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Số tiền 400.000 đồng bị cáo Tr thu tiền xâu đã sử dụng vào việc đánh bạc và bị thu giữ. Do vậy, HĐXX không đề cập.

Đối với điện thoại di động thu của các bị cáo, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung Đ, Phạm Văn M, Phan M, Phạm Minh T, Nguyễn Ngọc H, Huỳnh T, Lê Thị Bích H, Ngô B, Ngô Văn Th, Lê Thanh Tr, Phạm H, Phạm Hồ Kh phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 của Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Tr phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trần Văn Tr.

Xử phạt bị cáo 05 (Năm) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249 điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trần Văn Tr.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Tr 12(Mười hai) tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của cả hai tội là 17(Mười bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó là 24(từ ngày 21/11/2017 đến ngày 15/12/2017)

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Văn M.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn M 07(Bảy) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó là 23(từ ngày 22/11/2017 đến ngày 15/12/2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Trung Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ 07(Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 07(Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Huỳnh T

Xử phạt bị cáo Huỳnh T 06(Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Ngô B.

Xử phạt bị cáo Ngô B 06(Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Ngô Văn Th.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Th 06(Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Thanh Tr

Xử phạt bị cáo Lê Thanh Tr 07(Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phạm H.

Xử phạt bị cáo Phạm H 07(Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phạm Hồ Kh.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồ Kh 07(Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Lê Thị Bích H.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Bích H 06(Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phan M.

Xử phạt bị cáo Phan M 06(Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, các điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Phạm Minh T.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 06(Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Trung Đ, Huỳnh T, Ngô B, Nguyễn Ngọc H, Ngô Văn Th, Lê Thanh Tr, Phạm H cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Giao bị cáo Phạm Hồ Kh cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Giao các bị cáo Lê Thị Bích H, Phạm Minh T, Phan M cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã S được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 12.800.000(Mười hai triệu tám trăm ngàn) đồng, tại tài khoản 3949.0.1047676.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, theo giấy Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa đơn vị trả tiền là Công an huyện S và đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chén sứ, 01 đĩa sứ, 01 chiếu nhựa, 04 con vịt(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện S với Chi cục Thi hành án dân sự huyện S ngày 13/6/2018)

- Trả lại cho Trần Văn Tr 01(một) ĐTDĐ Viettel màu đen; Phạm Hồ Kh 01(một) ĐTDĐ Nokia màn hình trắng đen; Lê Thanh Tr 01 (một) ĐTDĐ Nokia màn hình trắng đen; Lê Thị Bích H 01(một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Coolpad màu trắng; Ngô Văn Th 01(Một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo màu hồng; Nguyễn Ngọc H 01(một) ĐTDĐ màn hình cảm ứng nhãn hiệu Oppo màu hồng.; Ngô B có 01(một) ĐTDĐ hiệu Gionee màu đen; Phan M có 01(một) ĐTDĐ màu đen, cam nhãn hiệu Zip(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện S với Chi cục Thi hành án dân sự huyện S ngày 13/6/2018).

2. Về án phí: Căn cứ Điều 98; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3; Điều 6 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Buộc các bị cáo Trần Văn Tr, Nguyễn Trung Đ, Phạm Văn M, Phan M, Phạm

Minh T, Nguyễn Ngọc H, Huỳnh T, Lê Thị Bích H, Ngô B, Ngô Văn Th, Lê Thanh Tr, Phạm H, Phạm Hồ Kh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25- 7- 2018). Các bị cáo có quyền gửi đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND; Công an huyện Sa Thầy;
- Chi cục THADS huyện SaThầy;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Thiền Thị Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

